

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 40/2018/DS-PT.

Ngày: 26/3/2018.

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự
vay tài sản*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Hữu Nhân
- *Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Hữu Mừng
Bà Vũ Thị Nguyệt

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Dương Thị Liên, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng:* Bà Võ Thị Kim Anh, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 26 tháng 3 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2018/TLPT-DS ngày 12 tháng 02 năm 2018 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 03/2018/DS-ST ngày 15/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện ĐD bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2018/QĐ-PT ngày 27/02/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm: 1969;
Địa chỉ: Số 181, tổ 07, thôn XT, xã LL, huyện ĐD, tỉnh Lâm Đồng.

2. *Bị đơn:* Vợ chồng ông Bùi Văn Th, sinh năm: 1962;

Bà Đàm Thị Khắc Y, sinh năm: 1969;

Địa chỉ: Số 77, tổ 02, thôn LLL, xã LL, huyện ĐD, tỉnh Lâm Đồng.

Do có kháng cáo của bị đơn vợ chồng ông Bùi Văn Th, bà Đàm Thị Khắc Y.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/7/2017, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, quá trình hòa giải nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc L trình bày:

Bà và vợ chồng bà Y, ông Th có quen biết nhau nên bà có cho bà Y vay tiền nhiều lần, những lần vay trước bà Y trả hết tiền nên giữa hai bên đã tạo được lòng tin với nhau. Ngày 09/6/2017, bà Y đến nhà bà hỏi vay số tiền 300.000.000đồng để lo công việc gia đình, hai bên có viết giấy tờ và hẹn 01 tháng sau bà Y phải trả số tiền vay, khi vay lãi suất hai bên thỏa thuận là 2%/tháng.

Tuy nhiên, sau khi vay số tiền trên bà Y không trả tiền lãi và tiền gốc như thỏa thuận nên ngày 24/7/2017 bà đã làm đơn khởi kiện vợ chồng bà Y, ông Th đến Tòa án, đề nghị Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bà Y ông Th phải trả cho bà số tiền 300.000.000đồng.

Bà cho rằng số tiền vay trên bà Y vay lo công việc gia đình, ông Th là chồng bà Y nên ông Th cũng phải chịu trách nhiệm liên đới cùng bà Y trả cho bà số tiền 300.000.000đồng đã vay. Ngoài yêu cầu trên bà không còn yêu cầu nào khác.

Bị đơn bà Đàm Thị Khắc Y trình bày tại các biên bản lấy lời khai ngày 04/8/2017, ngày 13/10/2017, ngày 27/11/2017, biên bản hòa giải ngày 05/12/2017 và tại phiên tòa trình bày:

Bà Y thừa nhận có vay của bà L số tiền 300.000.000đồng nhưng không phải vay một lần số tiền 300.000.000đồng mà vay thành nhiều lần, mỗi lần vay vài chục triệu, cụ thể thời gian vay thì không nhớ.

Đến ngày 09/6/2017, hai bên có chốt nợ và thống nhất số tiền bà vay của bà L là 300.000.000đồng hai bên viết giấy vay tiền vào ngày 09/6/2017. Số tiền bà vay của bà L về để đi buôn rau nhưng bị thua lỗ và cho bà Lưu Thị U và Đàm Thị Khắc Nh ở PR - NT vay lại nhưng đến nay họ vẫn không chịu trả cho bà.

Đối với khoản vay trên bà có đóng tiền lãi đầy đủ hàng tháng cho bà L nhưng từ ngày 11/7/2017 bà không còn khả năng đóng lãi nữa. Mỗi tháng bà đóng tiền lãi là 27.000.000đồng, đã đóng được 08 tháng tiền lãi là 216.000.000đồng. Quá trình hòa giải bà đề nghị Tòa án xem xét giải quyết trừ bớt tiền lãi đã đóng vào tiền nợ gốc, riêng chồng bà là ông Bùi Văn Th tuy từ trước đến nay ông không làm công việc gì chỉ ở nhà, mọi công việc chi tiêu lớn nhỏ trong gia đình đều do bà gánh vác nhưng ông Th không chịu trả chung bất cứ khoản nợ nào, bản thân bà tự vay tự chịu trách nhiệm, đề nghị Tòa án không đưa chồng bà vào tham gia tố tụng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Y vẫn giữ nguyên lời trình bày về số tiền đã vay, về số tiền lãi bà đã trình bày bà xin rút yêu cầu không đề nghị Tòa án xem xét, bà đồng ý khoản nợ 300.000.000đồng là tiền nợ vay và đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền 300.000.000đồng và xác định số tiền vay trên không liên quan đến chồng bà là ông Bùi Văn Th.

Bị đơn ông Bùi Văn Th trình bày tại bản tự khai, các biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải trình bày:

Ông Th không biết gì về việc vay mượn tiền giữa bà L và bà Y, ông không

đồng ý cùng bà Y trả số tiền 300.000.000đồng cho bà L, việc bà Y tự vay thì tự chịu trách nhiệm trả.

Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số 03/2018/DS-ST ngày 15/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện ĐD đã xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc L. Buộc bị đơn vợ chồng ông Bùi Văn Th, bà Đàm Thị Khắc Y có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc L số tiền 300.000.000đồng.

2. Về án phí:

Buộc bị đơn ông Bùi Văn Th, bà Đàm Thị Khắc Y phải chịu 15.000.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc L số tiền tạm ứng án phí đã nộp 7.500.000đồng theo biên lai thu số AA/2015/0003643 ngày 31/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐD.

Ngoài ra, bản án còn tuyên quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án cho các đương sự.

Ngày 24/01/2018, bị đơn vợ chồng ông Bùi Văn Th, bà Đàm Thị Khắc Y kháng cáo đối với Bản án Dân sự sơ thẩm số: 03/2018/DS-ST ngày 15/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện ĐD. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử không buộc ông Bùi Văn Th phải chịu trách nhiệm liên đới trả khoản vay 300.000.000 đồng của bà Đàm Thị Khắc Y và yêu cầu tính lại phần lãi suất.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn bà Y, ông Th xin rút một phần yêu cầu kháng cáo đối với việc yêu cầu tính lại tiền lãi và không đồng ý việc cấp sơ thẩm buộc ông Th liên đới thanh toán cho nguyên đơn bà L.

Nguyên đơn bà L không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bị đơn và đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng nhận định: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán trong quá trình thụ lý và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa là đúng pháp luật.

Xét kháng cáo của bị đơn về việc tính lại phần lãi nhưng chứng cứ không rõ ràng, và tại phiên tòa hôm nay bị đơn xin rút yêu cầu kháng cáo này nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm định chỉ yêu cầu kháng cáo này.

Xét kháng cáo của bị đơn về việc không đồng ý ông Th liên đới thanh toán nợ cho nguyên đơn là không có cơ sở. Đề nghị căn cứ Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 giữa nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, đồng thời căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc L cho rằng có cho bị đơn bà Đàm Thị Khắc Y vay nhiều lần tiền và ngày 09/6/2017 bà Y xác nhận vay số tiền 300.000.000 đồng để lo công việc gia đình, hai bên có viết giấy tờ và hẹn 01 tháng sau bà Y phải trả số tiền vay, lãi suất thỏa thuận 2%/tháng. Tuy nhiên, quá hạn mà bà Y không trả nên bà L khởi kiện vợ chồng bà Y.

Do đó, cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” là đúng quy định pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn ông Th, bà Y đề nghị xem xét lại phần lãi suất đã thanh toán để căn trừ vào số tiền gốc thì thấy rằng:

Chứng cứ mà bà L cung cấp là bản phô tô (BL 55) không ghi rõ số tiền lãi là bao nhiêu và thời gian trả là khi nào, đồng thời không ghi rõ trả lãi cho khoản vay nào và không có chữ ký xác nhận của bà L.

Tại phiên tòa hôm nay, ông Th, bà Y xin rút phần kháng cáo này nên căn cứ Điểm c Khoản 1 Điều 289 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn về phần tính lại lãi suất là có căn cứ.

- Xét kháng cáo của bị đơn cho rằng việc bà Y vay tiền không liên quan đến ông Th nên yêu cầu Tòa án không buộc ông Th liên đới trả nợ cùng bà thì thấy rằng:

Căn cứ vào giấy mượn tiền ngày 09/6/2017 (bản chính - bút lục số 09) thể hiện bà Y có vay của bà L số tiền 300.000.000 đồng.

Xét thấy, trong giấy mượn tiền ông Th không ký mà chỉ có một mình bà Y ký. Tuy nhiên, trong suốt quá trình vay tiền và cũng như hiện nay ông Th và bà Y vẫn tồn tại quan hệ vợ chồng. Hơn nữa, việc bà Y vay tiền của bà L là nhằm mục đích phục vụ cho buôn bán tăng thêm thu nhập cho gia đình vì ông Th ốm đau không phụ giúp được gì.

Ngoài ra, theo biên bản lấy lời khai của ông Th ngày 27/11/2017 (bút lục số 16) và tại phiên tòa phúc thẩm thì ông Th cũng thừa nhận ông bị đau bao tử và viêm khớp đã hơn 10 năm nay, do ông bị bệnh nên ông không làm được gì và mọi sinh hoạt trong gia đình đều do bà Y chịu trách nhiệm lo toan.

Căn cứ vào Điều 27 và Khoản 2 Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2015 quy định: “*Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 30 hoặc giao dịch khác phù hợp với quy định về đại diện.... ; Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới về các nghĩa vụ quy định tại Điều 37: Nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Vợ chồng có các nghĩa vụ chung về tài sản sau đây: Nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch do vợ chồng cùng thỏa thuận xác lập, nghĩa vụ bồi thường thiệt hại mà theo*

quy định của pháp luật vợ chồng cùng phải chịu trách nhiệm; Nghĩa vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình... ”.

Mặt khác, bà Y khai trong số tiền 300.000.000 đồng bà vay của bà L thì có 100.000.000 đồng bà vay giúp cho bà Lưu Thị U, bà Đàm Thị Khắc N, đến nay bà U, bà Nh chưa trả cho bà, bà cũng không biết địa chỉ cụ thể của bà U, bà Nh ở đâu nhưng trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay bà Y không đưa ra được chứng cứ chứng minh việc vay tiền giúp cho bà U, bà Nh.

Do vậy, cấp sơ thẩm xử chấp nhận khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn vợ chồng ông Th, bà Y có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn số nợ 300.000.000 đồng là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

Từ những phân tích trên, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng. Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định cụ thể:

Buộc bị đơn vợ chồng ông Bùi Văn Th, bà Đàm Thị Khắc Y phải chịu án phí dân sự trên số tiền phải trả cho nguyên đơn là: 300.000.000 đồng x5% = 15.000.000 đồng.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc L số tiền tạm ứng án phí đã nộp 7.500.000 đồng theo biên lai thu số AA/2015/0003643 ngày 31/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện DD.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điểm c Khoản 1 Điều 289; Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và Pháp lệnh về lệ phí, án phí Tòa án năm 2009; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn vợ chồng ông Bùi Văn Th, bà Đàm Thị Khắc Y về phần tính lại lãi suất; không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn vợ chồng ông Th, bà Y về việc không đồng ý ông Th liên đới trả nợ cho nguyên đơn. Giữ nguyên bản án sơ thẩm. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc L. Buộc bị đơn vợ chồng ông Bùi Văn Th, bà Đàm Thị Khắc Y có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn bà L số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng).

“Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự”.

2. Về án phí:

- Buộc bị đơn ông Bùi Văn Th, bà Đàm Thị Khắc Y phải chịu 15.000.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số AA/2016/0004835 ngày 30/01/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện ĐD nên vợ chồng ông Th, bà Y còn phải nộp 15.000.000đồng án phí dân sự còn thiếu.

- Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc L số tiền tạm ứng án phí đã nộp 7.500.000đồng theo biên lai thu số AA/2015/0003643 ngày 31/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐD.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- TAND H. ĐD;
- CCTHADS H. ĐD;
- Phòng KTNV&THA;
- Các đương sự;
- Lưu AV – HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Bùi Hữu Nhân

